

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐINH DUY TRUNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG BẰNG VỐN NGÂN
SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG BÌNH

Chuyên ngành : Kinh tế phát triển

Mã số : 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. ĐOÀN GIA DŨNG**

Phản biện 1: **PGS.TS. NGUYỄN MẠNH TOÀN**

Phản biện 2: **TS. NGUYỄN HỮU DŨNG**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 22 tháng 02 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời gian qua, kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình đã đạt được những thành tựu đáng kể trong tăng trưởng và phát triển kinh tế, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và phát triển các ngành, lĩnh vực, nhiều công trình và các dự án quan trọng trên lãnh thổ được triển khai... Trong bối cảnh mới, điều kiện mới đã phát sinh những thuận lợi và thách thức mới như: Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 150 của WTO, xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng hơn, tầm nhìn phát triển quốc gia theo chiến lược phát triển đất nước trong thập niên tới có nhiều bước đột phá lớn để đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp. Đối với vùng miền Trung, thời gian qua đã có bước phát triển tốt hơn, hình thành nhiều khu kinh tế ven biển; nhiều tỉnh trong vùng có bước phát triển mạnh hơn, nhất là những tỉnh liền kề với tỉnh Quảng Bình như Hà Tĩnh, Quảng Trị cũng có những tầm nhìn mới trong phát triển 10 - 15 năm tới... Nền kinh tế của tỉnh Quảng Bình tiếp tục tăng trưởng cao và tương đối vững chắc; tiềm năng một số ngành, lĩnh vực, địa phương đã được chú trọng đầu tư khai thác; môi trường, chính sách thu hút đầu tư được cải thiện đáng kể; Vườn QG Phong Nha - Kẻ Bàng được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới đã mở ra cho tỉnh có một vị thế mới trong phát triển du lịch. Bên cạnh đó, tỉnh vẫn gặp một số khó khăn: các dự án mang tính chất quyết định trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế đang chuẩn bị điều kiện để đầu tư, nên chưa có điều kiện tạo đột phá cho phát triển KTXH của tỉnh; kết cấu hạ tầng có được đầu tư nhưng còn chưa đồng bộ. Với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Quảng Bình nhanh hơn theo hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ, rút bớt khoảng cách chênh lệch mức sống và phát triển với bình quân cả nước theo hướng phát triển bền

vững và phấn đấu trở thành một tỉnh trọng điểm về kinh tế trong khu vực Bắc Trung Bộ, Quảng Bình vẫn đang xây dựng để trở thành một trong những tỉnh phát triển của cả nước với vai trò là trung tâm du lịch và dịch vụ, công nghiệp, thương mại, nông nghiệp trong thời gian tới.

Để xác định hướng phát triển tiếp theo, đưa Quảng Bình hoà nhập vào tiến trình CNH-HĐH của đất nước cần thiết phải đánh giá đúng, nhận dạng đủ các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Một trong những nhân tố hàng đầu đó chính là cơ sở hạ tầng bởi cơ sở hạ tầng có vai trò quan trọng và quyết định đối với sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia nói chung và từng tỉnh nói riêng. Những năm qua, đầu tư cơ sở hạ tầng được Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh hết sức quan tâm và ưu tiên đầu tư hàng đầu, đặc biệt đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Hàng trăm công trình thuộc các lĩnh vực giao thông, công nghiệp, điện, nước, nông nghiệp, thủy lợi, dịch vụ, du lịch, văn hoá, thông tin, giáo dục, y tế, thể thao, chỉnh trang đô thị.... Nhiều dự án cơ sở hạ tầng trọng điểm, có tầm cỡ và quy mô đầu tư lớn đã hoàn thành đưa vào sử dụng và ngày càng phát huy hiệu quả đã tạo động lực mạnh mẽ để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và góp phần từng bước cải thiện đời sống và nâng cao trình độ dân trí của nhân dân, đồng thời ngày càng thu hút được các nhà đầu tư. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vẫn còn nhiều tồn tại, khó khăn cần được khắc phục, một số công trình và dự án đã được đầu tư xây dựng hoàn thành nhưng từ khâu lập quy hoạch, thiết kế, đấu thầu, thi công và quản lý đầu tư còn nhiều thiếu sót gây thất thoát, lãng phí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Làm thế nào để sử dụng có hiệu quả hơn nữa các nguồn vốn của nhà nước, sử dụng đúng mục đích những khoản đóng góp từ nguồn nộp

ngân sách của nhân dân cho mục đích phát triển kinh tế và nâng cao trình độ dân trí của người dân là vấn đề cần giải quyết của tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới. Là một cán bộ làm việc ở ngành Kế hoạch và Đầu tư với những kiến thức đã học, nghiên cứu và tìm hiểu về thực tế quản lý vốn đầu tư XDCB của tỉnh Quảng Bình, tôi đã chọn đề tài *“Hoàn thiện công tác quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình”* để làm Luận văn tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế phát triển.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Khái quát lý luận về quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn ngân sách nhà nước làm cơ sở cho nghiên cứu;

- Đánh giá thực trạng quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình;

- Kiến nghị các giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình;

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn: Quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn ngân sách Nhà nước.

Phạm vi nội dung: Quản lý đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước.

Phạm vi không gian: Tỉnh Quảng Bình.

Phạm vi thời gian: Các giải pháp được đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong những năm trước tới.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp mô tả, phân tích, tổng hợp, kết hợp với việc tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong ngành, tham khảo các báo cáo đánh giá công tác giám sát đầu tư của Hội đồng Nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư; các báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước trên địa bàn của tỉnh qua các năm.

Các phương pháp này còn được dùng trong đánh giá tình hình quản lý đầu tư công và chỉ ra các tồn tại cần hoàn thiện.

Các phương pháp thu thập tài liệu, thông tin sau được sử dụng trong nghiên cứu:

- Kế thừa các công trình nghiên cứu trước đó;
- Tổng hợp các nguồn số liệu thông qua các báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính, Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình qua các năm...
- Tìm thông tin thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: Tạp chí Kinh tế, Tạp chí Tài Chính, Báo chí, Internet...

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận văn được cấu trúc thành ba chương như sau:

Chương 1. Lý luận về quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

Chương 2. Thực trạng quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN của tỉnh Quảng Bình

Chương 3. Các giải pháp hoàn thiện quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN tỉnh Quảng Bình.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG BẰNG VỐN NSNN

1.1. TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG BẰNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1.1.1. Khái niệm

Đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn ngân sách nhà nước là việc sử dụng vốn Nhà nước để đầu tư vào các Chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế xã hội, không có khả năng hoàn vốn trực tiếp, không nhằm mục đích kinh doanh

Đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN là các khoản chi của Chính phủ để cung ứng hàng hóa công cộng, chẳng hạn như khi Chính phủ bỏ tiền ra để phát triển đường xá, trường học, trạm y tế...

Hoạt động đầu tư bằng vốn NSNN bao gồm toàn bộ lập, phê duyệt kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn NSNN; triển khai thực hiện đầu tư, quản lý và khai thác sử dụng các dự án đầu tư.

1.1.2. Vai trò và đặc điểm về đầu tư bằng vốn ngân sách và cơ sở hạ tầng

a. Vai trò và đặc điểm của cơ sở hạ tầng

Hạ tầng là đối tượng chính của đầu tư bằng vốn NSNN và đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia, tạo động lực cho sự phát triển.

b. Vai trò và đặc điểm của đầu tư bằng vốn ngân sách

- Từ đặc điểm cơ bản của cơ sở hạ tầng mà đầu tư bằng vốn ngân sách có tầm quan trọng đặc biệt với vai trò bao gồm: Đây là nguồn đầu tư chủ yếu cho cơ sở hạ tầng; Định hướng đầu tư cơ sở hạ tầng trong nền kinh tế; Đầu tư của ngân sách nhà nước góp phần tăng tích lũy đặc điểm sau: Là khoản chi tích lũy hay đầu tư phát triển cho

nền kinh tế. Quy mô và cơ cấu chi đầu tư cho cơ sở hạ tầng của ngân sách nhà nước không cố định và phụ thuộc vào chiến lược phát triển kinh tế xã hội của nhà nước trong từng thời kỳ và mức độ phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Chi đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN phải gắn chặt chi thường xuyên nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN thường đòi hỏi lượng vốn lớn và vốn này nằm khô đọng, không vận động trong suốt quá trình thực hiện đầu tư. Hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN mang tính chất lâu dài. Quá trình đầu tư cũng như kết quả và hiệu quả hoạt động đầu tư chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bất định theo thời gian và của điều kiện không gian tự nhiên, kinh tế xã hội.

1.1.3. Ý nghĩa đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn ngân sách

Đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN là khoản đầu tư của Nhà nước hướng vào củng cố và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng của nền kinh tế, các ngành công nghiệp cơ bản, các công trình kinh tế có tính chất chiến lược, các công trình trọng điểm phục vụ phát triển văn hóa xã hội, phúc lợi công cộng.

1.2. QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG BẰNG VỐN NSNN

1.2.1. Khái niệm

a. Công trình, dự án đầu tư

Công trình đầu tư cơ sở hạ tầng là sản phẩm, kết quả của các dự án đầu tư nhằm phục vụ lợi ích chung của cộng đồng, của toàn xã hội được đầu tư bằng nguồn vốn của Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Theo Luật Xây dựng, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng là một tập hợp những đề xuất việc bỏ vốn để tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo, nâng cấp những đối tượng nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng, cải tiến hoặc

nâng cao chất lượng sản phẩm hay dịch vụ nào đó trong một khoảng thời gian xác định.

b. Quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

Quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người, do các cơ quan trong hệ thống hành pháp và hành chính thực hiện nhằm hỗ trợ các chủ đầu tư thực hiện đúng vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người đại diện sở hữu nhà nước trong các dự án, ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực trong việc sử dụng vốn Nhà nước nhằm tránh thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước. Quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN là quản lý các dự án, các công trình đầu tư mà sản phẩm là các công trình công cộng.

1.2.2. Nguyên tắc quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả

Nguyên tắc tập trung, dân chủ

Nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa các lợi ích

Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo vùng và theo lãnh thổ

1.2.3. Nội dung quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

a. Xây dựng hệ thống các văn bản quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

Việc thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN liên quan đến một loạt các quy chế và thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý Ngân sách. Về nguyên tắc, các thủ tục hành chính cần tạo ra trình tự ổn định và rành mạch cho hoạt động quản lý tối ưu, tạo điều kiện cho việc thực hiện dự án được thuận lợi. Các quy định pháp luật cần rõ ràng, minh bạch, có cách hiểu thống nhất, bảo đảm định hướng hoạt động của dự

án đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN đáp ứng đúng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

b. Lập và giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

Kế hoạch hóa đầu tư đóng vai trò quan trọng trong công tác quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN. Thực hiện tốt công tác này sẽ là cơ sở quan trọng để các ngành, địa phương chủ động đẩy mạnh đầu tư có định hướng, cân đối nguồn lực, tránh được hiện tượng đầu tư chồng chéo, thiếu đồng bộ, dàn trải, lãng phí nguồn lực của NSNN.

c. Tổ chức thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

Tổ chức việc thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN là quá trình xác định những nhiệm vụ thiết lập những mối liên hệ quyền lực, sự hợp tác và trao đổi thông tin để thực thi nhiệm vụ trong công tác quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN. Yêu cầu quá trình quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN được thực hiện tuần tự qua các bước từ lập dự án; thẩm định và phê duyệt dự án; quản lý hoạt động đấu thầu; thanh toán vốn đầu tư; quyết toán vốn đầu tư và kiểm tra, giám sát vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

d. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

Giám sát, đánh giá đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN: các Bộ, ngành trung ương; Đoàn Đại biểu Quốc hội, HĐND, UBND các cấp; Cơ quan quản lý Nhà nước các cấp; Tổ chức thực hiện giám sát theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo. Thanh tra, kiểm tra các hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN: theo từng lĩnh vực quản lý và theo quy định của pháp luật về thanh tra.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG BẰNG VỐN NSNN

1.3.1. Các nhân tố chủ quan

Công tác quy hoạch, kế hoạch trong đầu tư XD CB

Chất lượng quản lý đầu tư xây dựng

Năng lực và trách nhiệm của các chủ thể tham gia quản lý đầu tư xây dựng

1.3.2. Nhân tố khách quan

Cơ chế, chính sách quản lý đầu tư xây dựng

Các chính sách kinh tế vĩ mô

Năng lực nhà thầu tư vấn và nhà thầu xây lắp

Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của địa phương:

1.4. MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG BẰNG VỐN NSNN CỦA TỈNH VĨNH PHÚC

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ

CƠ SỞ HẠ TẦNG BẰNG VỐN NSNN TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH ẢNH HƯỞNG TỚI ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG BẰNG VỐN NGÂN SÁCH

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

a. Điều kiện địa lý

b. Tài nguyên thiên nhiên:

2.1.2. Đặc điểm kinh tế xã hội

a. Đặc điểm kinh tế

Trong những năm qua, kinh tế của tỉnh duy trì phát triển với tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả; các ngành, các lĩnh vực, các vùng, các thành phần kinh tế đều có bước phát triển tiến bộ.

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) năm 2012 (giá thực tế) đạt 17.341,426 tỷ đồng, tăng 3,165 lần so với năm 2006 (5.478,341 tỷ đồng), tốc độ tăng bình quân (2006-2012) đạt 21,36%. GDP theo giá thực tế tính theo bình quân đầu người năm 2012 đạt 20,213 triệu đồng, tương đương với 970,621 USD, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra là từ 750-760 USD/người. Trong 3 khu vực kinh tế, khu vực công nghiệp-xây dựng có tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm cao nhất với mức tăng 23,22%/năm; khu vực dịch vụ tăng 23%/năm; khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 16,37%/năm. Cơ cấu kinh tế trong những năm qua chuyển dịch theo hướng tích cực: tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản. Tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh có tác động tích cực đến hoạt động đầu tư xây dựng. Qua số liệu cho thấy khu vực công nghiệp xây dựng có tốc độ tăng

trường cao. Tuy vậy tốc độ chuyển dịch cơ cấu vẫn còn chậm, chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra là đến năm 2012 tỷ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm 37-38% và nông lâm nghiệp, thủy sản chiếm 28-29%.

b. Kết cấu hạ tầng

Hạ tầng trong những năm qua đã có nhiều sự thay đổi rõ rệt, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, tạo sự chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu kinh tế giảm nông lâm ngư nghiệp tăng công nghiệp xây dựng, thương mại dịch vụ

c. Đặc điểm văn hóa xã hội

+ Dân số và lao động

Dân số Quảng Bình đến năm 2012 là 857.924 người trên diện tích 8.065 km². Phần lớn cư dân địa phương là người Kinh. Dân tộc ít người thuộc hai nhóm chính là Chứt và Bru-Vân Kiều gồm những tộc người chính là: Khùa, Mã Liềng, Rục, Sách, Vân Kiều, Mày, Arem, v.v... sống tập trung ở hai huyện miền núi Tuyên Hoá và Minh Hoá và một số xã miền Tây Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy. Dân cư phân bố không đều, 84,82% sống ở vùng nông thôn và 15,18% sống ở thành thị.

+ Văn hóa du lịch

Quảng Bình là vùng đất văn vật, có di chỉ văn hóa Bàu Tró, các di chỉ thuộc nền văn hóa Hòa Bình, Đông Sơn và Sa Huỳnh, nhiều di tích lịch sử như: Quảng Bình Quan, Luỹ Thầy, Rào Sen, Thành Nhà Ngo, Thành Khu Túc-Chămpa, thành quách của thời Trịnh - Nguyễn, nhiều địa danh nổi tiếng trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc như Cự Nẫm, Cảnh Dương, Cha Lo, Cổng Trời, Xuân Sơn, Long Đại, đường Hồ Chí Minh v.v... Trong quá trình lịch sử, đã hình thành nhiều làng văn hóa nổi tiếng và được truyền tụng từ đời này sang đời khác

2.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG BẰNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG BÌNH

2.2.1. Khái quát về tình hình đầu tư cơ sở hạ tầng tại tỉnh Quảng Bình

Việc thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng trong thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng kể. Việc giao kế hoạch vốn XDCB qua các năm đã bám sát những định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các năm kế hoạch 5 năm (2006-2010); (2011-2015) của tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, XV đề ra.

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh tăng từ 2.308,221 tỷ đồng năm 2007 lên 4.656,258 tỷ đồng năm 2012 tốc độ tăng bình quân là 15,74%/năm, trong đó nguồn vốn ngân sách chiếm tỷ trọng lớn nhất. Vốn Ngân sách Nhà nước tăng từ 893,897 tỷ đồng năm 2007 lên 1.320,946 tỷ đồng năm 2012, tốc độ tăng bình quân là 15,4%/năm.

2.2.2. Thực trạng Hệ thống các văn bản quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

Các cơ chế chính sách trong lĩnh vực đầu tư XDCB thời gian qua ban hành rất nhiều lại thường xuyên thay đổi và có độ trễ trong ban hành triển khai của các cấp quản lý gây khó khăn, cản trở cho những người làm việc trong lĩnh vực quản lý đầu tư XDCB. Việc chuyển tiếp thực hiện giữa các văn bản đang là một khó khăn do các quy định mới hơn thường đặt ra những yêu cầu nhất định trong chuyển đổi

2.2.3. Thực trạng Lập và giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

Kế hoạch vốn được giao tăng nhanh qua các năm tăng. Tuy nhiên, so với nhu cầu thì nguồn vốn eo hẹp nên tình trạng thiếu vốn,

bố trí vốn không đủ làm kéo dài dự án gây tăng chi phí, giảm hiệu quả vẫn diễn ra. Việc bố trí kế hoạch đầu tư không theo tiến độ và khối lượng thực hiện còn gây ra tình trạng thực hiện khối lượng vượt kế hoạch dẫn đến nợ nần dây dưa. Tỷ lệ bố trí vốn bình quân cho một dự án từ 2,28 – 3,3 tỷ đồng/năm, nếu so với tổng mức đầu tư bình quân của một dự án nhóm C (thông thường từ 3 – 7 tỷ đồng) là phù hợp với tiến độ thực hiện dự án nhưng đối với dự án nhóm B (từ 30 đến 1.500 tỷ đồng) thì việc bố trí vốn bình quân nói trên rất nhỏ giọt, làm kéo dài tiến độ thực hiện dự án, chậm đưa dự án vào sử dụng, gây nợ đọng XDCB.

Tình trạng chủ đầu tư không thực hiện hết kế hoạch vốn đầu tư XDCB được giao, gây lãng phí, giảm hiệu quả sử dụng vốn, phải chuyển nguồn sang năm sau hoặc điều chuyển cho dự án khác vẫn còn diễn ra.

2.2.4. Thực trạng Tổ chức thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

a. Công tác lập dự án

Công tác lập dự án được các cấp có thẩm quyền kiểm soát chặt chẽ về phạm vi, quy mô của từng dự án theo đúng mục tiêu của từng lĩnh vực và phù hợp với quy hoạch được duyệt. Các dự án được lập phải nêu rõ nguồn vốn thực hiện dự án. Từ năm 2007 đến hết tháng 10 năm 2012 đã có 1.066 dự án thuộc ngân sách cấp tỉnh được lập, trong đó: 62 dự án nhóm B; 1.004 dự án nhóm C. Phân theo lĩnh vực: khối giao thông-công nghiệp 636 dự án; khối nông - lâm nghiệp, thủy lợi 257 dự án; khối văn hoá - xã hội 173 dự án.

b. Công tác thẩm định, phê duyệt dự án

Hiện nay, ở cấp tỉnh Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định dự án theo quy định hiện hành. Quy trình thẩm định

dự án được tổ chức thực hiện theo quy trình sau: Sau khi lập dự án xong, chủ đầu tư làm tờ trình xin phê duyệt dự án và gửi kèm dự án đến Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sau khi nhận hồ sơ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản xin ý kiến tham gia thẩm định gửi đến các Sở chuyên ngành: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp, Giao thông Vận tải, Công thương... Sau khi nhận được văn bản góp ý của các sở chuyên ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tổ chức họp Hội đồng liên ngành thẩm định dự án, được Hội đồng thống nhất quy mô, tổng mức đầu tư dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp Báo cáo Kết quả thẩm định dự án gửi UBND tỉnh. Trên cơ sở Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi, UBND tỉnh có quyết định phê duyệt dự án. Công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán được các cơ quan chức năng tập trung thực hiện và đạt kết quả khá tốt; đảm bảo chất lượng thẩm định và đáp ứng tiến độ thi công; góp phần hoàn thiện, nâng cao chất lượng công tác tư vấn thiết kế phù hợp với điều kiện thực tế, tiết kiệm được vốn đầu tư. Tuy nhiên, công tác khảo sát, lập dự án đầu tư của một số dự án chưa đảm bảo yêu cầu chất lượng, chưa xác định đầy đủ được các yếu tố liên quan.

c. Quản lý hoạt động đấu thầu

Việc phân cấp về quản lý hoạt động đấu thầu được thực hiện như đối với việc tổ chức thẩm định dự án. Cấp nào phê duyệt dự án thì cấp đó thẩm định kế hoạch đấu thầu của dự án. Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đấu thầu của các dự án. Các chủ đầu tư thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu. Khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, các chủ đầu tư gửi quyết định phê duyệt đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo kết quả đấu thầu, chỉ định thầu gửi UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Công tác báo cáo hoạt động đấu thầu trong năm của tỉnh với Bộ Kế hoạch và Đầu tư được thực hiện

vào tháng 01 của năm sau.

Trong giai đoạn 2007 – 2012, đã phê duyệt kết quả lựa chọn 2.447 gói thầu với tổng giá gói thầu: 5.558,356 tỷ đồng; giá trúng thầu: 5.438,07 tỷ đồng; Phân theo lĩnh vực đấu thầu, tổng số gói thầu tư vấn: 1.205 gói, tổng số gói mua sắm hàng hóa: 390 gói thầu, tổng số gói thầu xây lắp: 852 gói. Phân theo hình thức lựa chọn nhà thầu, số gói thầu đấu thầu rộng rãi: 415 gói, số gói thầu đấu thầu hạn chế: 25 gói, số gói thầu chỉ định thầu và tự thực hiện: 1.916 gói, số gói thầu chào hàng cạnh tranh: 68 gói, số gói thầu mua sắm trực tiếp: 23 gói. Công tác đấu thầu, chỉ định thầu đã tuân thủ theo đúng Luật đấu thầu ngày 29/11/2005; Luật số 38; Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 5/5/2008 sau này được thay thế bằng Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009, thông tư số 02/2009/TT-BKH ngày 17/2/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lập kế hoạch đấu thầu.

d. Công tác giám sát, đánh giá hoạt động đầu tư xây dựng

Đã được triển khai thực hiện theo Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư; Thông tư số 13/2010/TT-BKH ngày 02/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư. Đã tổ chức giám sát, đánh giá được 1.130 lượt dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên tổng số 1.354 lượt dự án triển khai từ năm 2007 đến 2012. Tổng số các dự án được giám sát, đánh giá đã nhiều hơn và chất lượng công tác này cũng được nâng lên so với những năm trước đây. Tuy nhiên, qua giám sát cho thấy số lượng dự án vi phạm thủ tục còn cao qua các năm. Số lượng dự án vi phạm thủ tục chủ yếu do tiến độ thực hiện dự án chậm do thủ tục đầu tư chậm, công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc, do năng lực của nhiều chủ đầu tư, ban quản lý

dự án và nhà thầu còn hạn chế. Mặt khác tiến độ bố trí vốn không kịp thời cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

e. Công tác thanh, quyết toán vốn đầu tư

+ Cấp phát và thanh toán vốn đầu tư

Việc cấp phát và thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2006- 2012 cơ bản được thực hiện theo Thông tư số 44/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003; Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007; Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách; Chỉ thị 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn NSNN và vốn TPCP. Tuy nhiên, do quy định mới về tạm ứng vốn cởi mở hơn so với trước đây nên việc cấp phát và thanh toán vốn đầu tư XDCB trong giai đoạn này nổi lên bất cập là tình trạng tạm ứng vốn một cách dễ dãi và cơ quan Kho bạc chậm hoặc không thực hiện nghiêm việc thu hồi tạm ứng theo quy định. Có hiện tượng chạy tạm ứng vào cuối năm để tránh bị xem xét điều chuyển hoặc cắt bớt nguồn vốn cho các dự án khác khi chưa có khối lượng để thanh toán.

+ Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản luôn được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo. UBND tỉnh đã có những chỉ đạo quyết liệt về quyết toán dự án hoàn thành trong các năm 2009, 2010, 2011, 2012 và có chuyển biến tích cực. Thực hiện xử phạt đối với các trường hợp chậm quyết toán. Hàng loạt các dự án chậm, tồn từ nhiều năm trước đó đã được các chủ đầu tư tập hợp hồ sơ để lập báo cáo quyết toán; các vướng mắc trong quá trình lập báo cáo quyết toán cũng được các cơ quan chuyên môn về đầu tư, tài chính, xây dựng tháo gỡ kịp thời.

2.2.5. Thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

Tổng hợp chung giai đoạn 2007-2012, có 985 dự án được rà soát, kiểm tra, trong đó gồm có: 15 dự án nhóm B và 970 dự án nhóm C. Tổng mức vốn đầu tư của các dự án là: 2.220,68 tỷ đồng, trong đó mức vốn đầu tư các dự án nhóm B là: 440 tỷ đồng đồng và mức vốn đầu tư các dự án thuộc nhóm C là: 1.780,680 tỷ đồng. Bên cạnh những kết quả đạt được, qua rà soát, kiểm tra, thanh tra cho thấy công tác quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh những năm qua còn có những tồn tại, khuyết điểm, sai phạm.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG BẰNG VỐN NSNN

2.3.1 Những thành tựu

Trong những năm qua, công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản đã có nhiều chuyển biến đáng kể. Công tác quy hoạch đã thực sự là tiền đề cho việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2.3.2 Những hạn chế

a. Công tác quy hoạch, kế hoạch

+ Công tác quy hoạch

Chất lượng xây dựng quy hoạch thấp, còn phải chỉnh sửa, bổ sung nhiều lần. Tiến độ lập rà soát, bổ sung quy hoạch tổng thể của một số huyện, thành phố và quy hoạch phát triển một số ngành, lĩnh vực còn chậm và chất lượng chưa cao. Các quy hoạch ngành, lĩnh vực chưa được rà soát, điều chỉnh kịp thời. Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng và tổ chức xây dựng đô thị theo quy hoạch còn nhiều bất cập.

+ Công tác kế hoạch

Việc giao kế hoạch đầu tư và xây dựng còn dàn trải; số lượng công trình dự án rất nhiều, trong khi nguồn vốn đầu tư rất hạn hẹp.

Một số nguồn vốn phải điều chỉnh nhiều lần do công tác tổng hợp từ cơ sở lên thiếu chính xác làm ảnh hưởng đến việc quản lý và kiểm soát thanh toán vốn. Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, chưa tạo điều kiện để tăng hiệu quả kinh tế, tăng cạnh tranh.

b. Công tác lập và thẩm định dự án

+ Công tác lập dự án

Bên cạnh những tiến bộ đạt được, công tác lập dự án còn bộc lộ một số mặt hạn chế đó là: Số lượng danh mục dự án chuẩn bị đầu tư (theo quyết định chung và các quyết định riêng) quá nhiều; Quá trình lập một số dự án đầu tư chưa bám sát nhiệm vụ, mục tiêu và các căn cứ pháp lý; chất lượng hồ sơ dự án chưa cao, phải thẩm định, bổ sung, chỉnh sửa nhiều lần.

+ Công tác thẩm định dự án

Quá trình tiếp nhận hồ sơ làm căn cứ thẩm định chưa thật chặt chẽ; chất lượng thẩm định dự án, thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán tuy được nâng lên song vẫn còn những hạn chế; Đội ngũ cán bộ thẩm định của một số ngành còn thiếu, trình độ còn hạn chế. Công tác phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế kỹ thuật dự án chưa đáp ứng được tiến độ đầu tư.

c. Công tác quản lý hoạt động đấu thầu

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt làm được, công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục: Công tác quản lý đấu thầu đã được chấn chỉnh, song vẫn còn biểu hiện hình thức do không phát hành hồ sơ theo quy định, thông tin không rộng rãi, chưa nghiêm túc; Quá trình thực hiện không tuân thủ theo hồ sơ dự thầu và hợp đồng đã cam kết; một số nhà thầu sau khi trúng thầu còn có biểu hiện giữ việc, ngồi chờ vốn, hoặc bỏ thầu với giá thấp sau đó kéo dài tiến độ thi công rồi tìm mọi cách để điều chỉnh, bổ sung, gây

ra sự lãng phí nguồn vốn XDCB; Một số chủ đầu tư chưa nắm chắc nội dung, các quy định, trình tự đấu thầu; chất lượng công tác chuẩn bị, phục vụ cho đấu thầu còn nhiều điều bất cập.

c. Công tác giám sát, đánh giá

Vai trò giám sát thi công rất hạn chế, với cơ chế giám sát như hiện nay, cơ quan tư vấn giám sát tuy độc lập với nhà thầu thi công nhưng tác dụng không đáng kể; Không kịp thời nắm được các vấn đề phát sinh khi triển khai thực hiện dự án; Vai trò, trách nhiệm của chủ đầu tư chưa rõ ràng, trình độ năng lực của chủ đầu tư, cán bộ thực hiện các dự án đầu tư còn nhiều bất cập; Chưa có các quy định chặt chẽ về các chế tài trong phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng.

2.3.3 Nguyên nhân của những hạn chế

a. Nguyên nhân khách quan

b. Nguyên nhân chủ quan

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CƠ
SỞ HẠ TẦNG BẰNG VỐN NSNN
TỈNH QUẢNG BÌNH

3.1. CĂN CỨ ĐỀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN
CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG BẰNG VỐN
NSNN

3.1.1. Môi trường trong nước và quốc tế

a. Môi trường trong nước

Môi trường đầu tư gồm kinh tế xã hội, tự nhiên, nhân văn, kỹ thuật công nghệ có tác động mạnh mẽ tới hoạt động đầu tư, mức huy động vốn đầu tư, tính chất sử dụng vốn, cũng như các cơ quan hoạch định chính sách, chính quyền địa phương, nhà đầu tư...

b. Môi trường quốc tế

Môi trường quốc tế ảnh hưởng rất lớn tới quá trình quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN như giá cả, chi phí... Các nhà quản lý không tính toán được các tác động và các khả năng xảy ra để xác định các nguy cơ và đề ra cách ứng xử sơ bộ thì công tác quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

3.1.2. Đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN trong chiến lược
phát triển kinh tế của tỉnh

Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế-xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ môi trường sinh thái; tạo chuyên biến thực sự về chất lượng tăng trưởng, khả năng cạnh tranh và hội nhập của nền kinh tế; phấn đấu đưa Quảng Bình phát triển nhanh và bền vững.

3.1.3. Các nguyên tắc khi quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng
vốn NSNN

Nâng cao hiệu quả trong quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN cần quán triệt các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, phối hợp bố trí vốn NSNN đầu tư cơ sở hạ tầng trên cơ sở quy hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN được xây dựng có chất lượng cao và ổn định.

Thứ hai, phối hợp hài hòa các mục tiêu, lợi ích và tính đến tác động 2 mặt của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN.

Thứ ba, phối hợp tăng cường tái cơ cấu đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN, phân cấp và đa dạng hóa phương thức, nguồn vốn đầu tư theo yêu cầu nâng cao hiệu quả đầu tư xã hội.

Thứ tư, phối hợp tuân thủ các quy chuẩn về thủ tục và quy trình đầu tư, thực hiện đấu thầu thực chất và rộng rãi cho mọi thành phần kinh tế với các nguồn NSNN đầu tư để cơ sở hạ tầng, tăng cường giám sát, phản biện và kiểm tra, tố giác, xử lý kịp thời và nghiêm khắc các vi phạm đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN bằng các công cụ chế tài về tài chính và hành chính.

3.1. CĂN CỨ ĐỀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG BẰNG VỐN NSNN

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống các văn bản, cơ chế quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, đề nghị Quốc hội, Chính phủ và các bộ ngành cần nghiên cứu ban hành đầy đủ và đồng bộ hệ thống chính sách chế độ trong quản lý đầu tư XDCB; UBND tỉnh cần ban hành các văn bản cụ thể và kịp thời trong công tác quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN để hướng dẫn các chủ đầu tư, các ngành, đơn vị, địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

3.2.2. Hoàn thiện Lập và giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

Việc nâng cao năng lực công tác quy hoạch, kế hoạch dài hạn là vấn đề quan trọng, có ý nghĩa lớn. Làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch dài hạn sẽ làm tiền đề và cơ sở vững chắc cho việc hoạch định các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội dài hạn, trung hạn và ngắn hạn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh hàng năm; Đổi mới công tác xây dựng kế hoạch: Tuân thủ Luật Ngân sách Nhà nước, trên cơ sở cơ cấu nguồn vốn đầu tư do Chính phủ giao.

3.2.3. Hoàn thiện Tổ chức thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

a. Cải thiện chất lượng công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư, lựa chọn nhà thầu, giám sát dự án, thanh quyết toán

+ Hoàn thiện công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư

Nâng cao trách nhiệm của người phê duyệt dự án; Củng cố và nâng cao năng lực của chủ đầu tư, các tổ chức quản lý dự án, đảm bảo phân định rõ chức năng quản lý Nhà nước và chức năng quản lý dự án. Nâng cao năng lực và trách nhiệm của các tổ chức tư vấn. Cải cách thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư và xây dựng. Thực hiện phân cấp trong đầu tư:

+ *Hoàn thiện công tác lựa chọn nhà thầu*

Nâng cao trách nhiệm của người phê duyệt thầu; Nâng cao năng lực của chủ đầu tư, các ban quản lý dự án; Nâng cao năng lực của các doanh nghiệp xây dựng; Phân cấp thực hiện quy định về đấu thầu

+ *Hoàn thiện giám sát đánh giá đầu tư dự án*

Củng cố và tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư; Tăng cường đổi mới công tác giám sát, đánh giá đầu tư; Đảm bảo cho hoạt động đầu tư chung và từng dự án cụ thể đem lại hiệu quả kinh tế - xã

hội cao, phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội và tiến hành theo đúng khuôn khổ pháp luật, chính sách của Nhà nước.

+ *Hoàn thiện công tác thanh, quyết toán*

Hoàn thiện trong giải ngân, thanh toán vốn đầu tư; về công tác quyết toán dự án hoàn thành.

3.2.4. Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN

Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN; Giám sát, đánh giá đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN có hiệu quả; Thực hiện tốt cơ chế giám sát cộng đồng có hiệu quả; Nâng cao trách nhiệm của người quyết định đầu tư

3.2.5. Một số giải pháp khác

a. Nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm cá nhân tham gia quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

Rà soát lại điều kiện năng lực của các ban quản lý dự án, cá nhân tham gia quản lý dự án và giám sát kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định. Tăng cường tập huấn chế độ chính sách mới về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cho các đối tượng liên quan đến công tác quản lý tại cấp tỉnh và các huyện, xã. Kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động quản lý đầu tư

b. Tổ chức tốt công tác GPMB, tạo mặt bằng sạch cho các công trình xây dựng

Công tác giải phóng mặt bằng phải đi trước một bước, tạo mặt bằng sạch cho các công trình thi công để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án. Nâng cao chất lượng công tác lập và thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư các dự án. Cải tiến trong tổ chức thực hiện bồi thường GPMB

3.3. CC KIẾN NGHỊ

- Cấp trung ương.
- Cấp tỉnh.

KẾT LUẬN

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN đã và đang đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Bình. Đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn nền kinh tế đang có những bước chuyển đổi nhằm sử dụng các nguồn vốn đầu tư có hiệu quả. Đặc biệt, trong thời kỳ đổi mới, đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn ngân sách nhà nước chuyển mạnh sang đầu tư cho phát triển các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, cho sự nghiệp giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo... việc đầu tư này đóng một vai trò rất quan trọng, tạo những bước đột phá phát triển đất nước. Với nhu cầu đầu tư rất lớn nhưng nguồn lực nhà nước có hạn, để đáp ứng những yêu cầu đặt ra cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đòi hỏi công tác quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN cần phải hoàn thiện tốt hơn nữa. Để giải quyết vấn đề này, thông qua việc đánh giá, phân tích tình hình đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN trên địa bàn tỉnh, luận văn cho thấy hiệu quả quản lý của các cơ quan Nhà nước chưa cao, cơ chế giám sát chưa đủ mạnh, quy định về cách thức thẩm định, lựa chọn các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN còn đơn giản, các chế tài xử lý vi phạm không đủ mạnh, cơ chế quản lý nguồn vốn đầu tư chưa phù hợp.... Từ đó, luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng bằng vốn NSNN như hoàn thiện công tác hoạch định, công tác tổ chức thực hiện, công tác quản lý nhà nước, công tác thanh tra, kiểm tra dự án ...